

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH CÁC LOẠI QUỸ

Tháng 02 năm 2023

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN					GHI CHÚ
		TỔN ĐẦU KỲ	THU	CHI	TẠM ỨNG	TỔN CUỐI KỲ	
1	Ngân sách nguồn 13	10.427.147				10.427.147	
2	Ngân sách nguồn 14	8.111.723.767				8.111.723.767	
3	Ngân sách nguồn 12	13.366.511.663		732.899.373		12.633.612.290	
4	Học phí công lập	412.826.511	154.980.000	69.552.695		498.253.816	
5	Học buổi hai	2.250.000	346.275.000	297.205.000		51.320.000	
6	Mua sắm thiết bị dụng cụ bán trú	49.102.153				49.102.153	
7	Vệ sinh phí bán trú	69.586.068	32.970.000	4.318.307	-	98.237.761	
8	Học vi tính	-				-	
9	Quản lý - phục vụ bán trú	3.662.319	247.425.000	206.850.242		44.237.077	
10	Dạy thêm học thêm	-				-	
11	Tiền ăn	541.662.646	953.280.000	437.685.841		1.057.256.805	
12	Nước uống bán trú	17.687.626	19.794.000	15.802.600		21.679.026	
13	Tiền in ấn đề kiểm tra	25.710.000	12.000			25.722.000	
14	Bảo hiểm y tế	102.060.666	5.076.000			107.136.666	
15	Bảo hiểm tai nạn	16.890.968		228.400		16.662.568	
16	Căn tin	181.600.000	95.000.000			276.600.000	
17	Giữ xe	72.000.000				72.000.000	
18	Học Anh văn giao tiếp	32.216.720	228.330.000	104.676.136		155.870.584	
19	Quỹ Khen thưởng	254.146.590	1.400.000	41.582.000		213.964.590	
20	Phúc lợi	127.453.763				127.453.763	
21	Ổn định thu nhập	522.761				522.761	
22	Quỹ phát triển sự nghiệp	160.540.902				160.540.902	
23	Khác	-				-	
	Tổng cộng	23.558.582.270	2.084.542.000	1.910.800.594	-	23.732.323.676	

KẾ TOÁN

Ngô Thị Thủy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
HUỖNH VĂN NGHỆ
Nguyễn Văn Hiền